TÀI LIỆU LỄ CÔNG BỐ BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KINH TẾ CỦA CHÍNH SÁCH VỀ HÔN NHÂN CÙNG GIỚI TẠI VIỆT NAM



Hà Nội, tháng 12/2021

Trân trọng kính mời quý vị tham dự sự kiện

Lễ công bố báo cáo

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KINH TẾ CỦA CHÍNH SÁCH VỀ HÔN NHÂN CÙNG GIỚI TẠI VIỆT NAM

Thời gian 9:00 - 11:15, Thứ 4, ngày 22/12/2021

Nền tảng: Trực tuyến qua Zoom và Facebook Live (tại Viện iSEE)

Link đăng ký: bit.ly/iSEE-VESS (trước thứ Ba, 21/12/2021)

Chương trình sự kiện

9:30 - 9:40	Phát biểu chào mừng - Viện iSEE
9:40 - 9:50	Phát biểu chào mừng - UNDP
9:50 - 10:30	Chia sẻ kết quả nghiên cứu Đánh giá tác động kinh tế của chính sách về Hôn nhân cùng giới tại Việt Nam
10:30 - 11:10	Thảo luận phiên & Hỏi đáp
11:10 - 11:15	Bế mạc

Nếu bạn có câu hỏi, vui lòng gửi lại cho BTC qua email lgbt@isee.org.vn



Tóm lược Báo cáo

Nghiên cứu đánh giá tác động của hôn nhân cùng giới tại Việt Nam

Theo ước lượng của nhóm nghiên cứu, số người LGBT (tức người đồng tính-song tính-chuyển giới) tại Việt Nam chiếm từ **9% đến 11%** trong tổng dân số. Cùng với sự phát triển của xã hội Việt Nam, người LGBT ngày càng được nhìn nhận như những thành viên tự nhiên, bình đẳng và đầy đủ của xã hội. Sự hội nhập của nhóm người này có thể được nhìn nhận như một phần tất yếu và tự nhiên trong sự phát triển văn hoá – đạo đức của xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, sự hội nhập này cũng không phải là không gặp trở ngại. Người LGBT, như một nhóm thiểu số về bản dạng giới và xu hướng tính dục, luôn phải đối mặt với nguy cơ phân biệt đối xử trong tương tác xã hội, giáo dục, việc làm. Bên cạnh đó, những quyền cơ bản của họ vẫn chưa được công nhận, cụ thể là quyền được kết hôn cùng giới và các quyền khác thuộc chế định hôn nhân như quyền giám hộ, thừa kế, đại diện theo pháp luật, cho nhận con nuôi, công nhận con chung, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo,… Việc công nhận những quyền này cho người LGBT là một cơ sở quan trọng không chỉ cho cho quá trình hội nhập xã hội của nhóm người này mà còn cho sự phát triển văn hoá – kinh tế – xã hội nói chung của Việt Nam.

Tác động của việc công nhận hôn nhân đồng giới tại Việt Nam có thể được nhìn nhận là **đáng kể, đa chiều và được thụ hưởng bởi toàn bộ xã hội** chứ không riêng nhóm người LGBT. Những tác động của việc công nhận hôn nhân cùng giới tại Việt Nam có thể được trình bày tóm lược như sau:

Gia tăng quyền cho người LGBT: theo định nghĩa, việc công nhận hôn nhân đồng giới làm gia tăng quyền cho nhóm người LGBT, từ đó gia tăng phúc lợi và phạm vi ra quyết định của họ.

Giảm căng thẳng thiểu số: Việc công nhận hôn nhân cùng giới tại Việt Nam có thể giúp giảmthiểu hoặc loại trừ căng thẳng thiểu số cho người LGBT.

Giảm tình trạng kết hôn không phù hợp xu hướng tính dục: Việc công nhận hôn nhân cùng giới có thể giúp người có xu hướng tính dục đồng tính có thể tham gia vào những cuộc hôn nhân phù hợp xu hướng và giúp xã hội tránh được những chi phí như vậy.

Góp phần củng cố chế độ hôn nhân gia đình của Việt Nam và thành tựu bình đẳng giới: Khẳng định chế độ hôn nhân gia đình là sự kết hợp dân sự bình đẳng giữa hai cá nhân, bất kể giới tính của các bên tham gia là gì.

Góp phần giải quyết các vấn đề về dân số: VIệc người LGBT có thể tham gia vào thiết chế gia đình mở ra khả năng họ có thể sử dụng các kỹ thuật sinh sản để có con hoặc nhận nuôi con chung. Điều này giúp giảm tốc độ lão hoá dân số và nâng cao chất lượng dân số.

Cải thiện chất lượng hoạt động của doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh, sản xuất: Việc công nhận hôn nhân cùng giới là tiền đề về pháp lý, nhận thức và văn hoá để các doanh nghiệp có thể có được những chính sách hỗ trợ và xây dựng văn hoá thân thiện với người LGBT từ đó giải phóng được sức lao động của họ, đóng góp vào kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Tăng năng suất lao động cho người LGBT: Nhờ vào sự giảm thiểu căng thẳng thiểu số, giảm tình trạng hôn nhân không phù hợp xu hướng tính dục, được làm việc trong doanh nghiệp có chỉnh sách hỗ trợ/ bầu không khí thân thiện đối với họ và được tham gia vào thiết chế gia đình, năng suất lao động của người LGBT có thể gia tăng.

Gia tăng doanh thu cho các ngành công nghiệp đã có: Việc công nhận hôn nhân cùng giới tại Việt Nam sẽ mang lại sự gia tăng trong doanh thu cho các ngành có liên quan đến việc tổ chức tiệc cưới và xây dựng gia đình.

Là cơ sở cho sự ra đời của "khu vực kinh tế LGBT": "Khu vực kinh tế LGBT" là từ dùng để chỉ các sản phẩm chung được tiếp thị hướng đến người LGBT hoặc các sản phẩm được thiết kế để phục vụ riêng biệt

cho cộng đồng LGBT.

Cải thiện kết quả cạnh tranh quốc gia: Việc công nhận hôn nhân cùng giới là tiền đề để Việt Nam cải thiện kết quả cạnh tranh quốc gia. Đó là việc thu hút nguồn khách du lịch, nguồn nhập cư và nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Cải thiện năng suất lao động cho toàn xã hội: Tác động tổng hợp của những tác động kể trên, cùng sự thật rằng người LGBT đã và luôn là một phần không thể tách rời của xã hội.

Theo ước tính của báo cáo, việc hợp thức hoá hôn nhân cùng giới có thể mang lại cho Việt Nam từ **1,65% đến 4,36%** gia tăng trong GDP mỗi năm so với trường hợp không công nhận. Trong ngắn và trung hạn, tỉ lệ gia tăng này có thể được dàn trải trong khoản 10 năm, vì người LGBT cần có thời gian để hồi phục những chấn thương tâm lý, xã hội Việt Nam cũng cần có thời gian để đưa ra thay đổi phù hợp. Vậy, tỉ lệ gia tăng bình quân GDP được mang lại bởi việc công nhận hôn nhân cùng giới trong ngắn hạn là từ **0,17% đến 0,44%** một năm.

Nhóm nghiên cứu cũng ước lượng việc công nhận hôn nhân cùng giới cũng mang lại cho các ngành công nghiệp có liên quan đến tổ chức tiệc cưới và xây dựng gia đình gia tăng trong doanh thu từ **5,26% đến 4,36%** so với trường hợp không công nhận.

Việc công nhận hôn nhân đồng giới cũng giúp Việt Nam tiết kiệm được mỗi năm từ **13 triệu USD đến 71 triệu USD** chi phí phát sinh từ những thiệt hại đến từ các rối loạn tâm lý (rối loạn trầm cảm và rối loạn lo âu) do vị thế thiểu số của người LGBT.

Đề xuất chính sách

- Triển khai chương trình thay đổi nhận thức ở cấp toàn quốc về sự thừa nhận người LGBT trong sự đa dạng của tồn tại con người và xã hội, là đối tượng đầy đủ của luật pháp và thiết chế xã hội.
- Điều chỉnh luật pháp để công nhận hôn nhân cùng giới với đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật như hôn nhân khác giới. Phấn đấu để Việt Nam là quốc gia đầu tiên tại Đông Nam Á và thứ hai tại Châu Á công nhận hôn nhân cùng giới.
- Hoàn thiện hoá quy định pháp luật về việc sử dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, cho phép hình thức mang thai hộ có hiến tặng trứng hoặc tinh trùng và hiến tặng trứng hoặc tinh trùng nhưng không có mang thai hộ.
- Ban hành luật chống phân biệt đối xử trên cơ sở bản dạng giới và xu hướng tính dục trong gia đình, nhà trường, nơi làm việc.
- Giới thiệu nội dung giáo dục về người LGBT vào chương trình học phổ thông dưới hình thức chính khoá hoặc ngoại khoá.
- Tuyên truyền, giáo dục hướng đến toàn bộ xã hội, nhấn mạnh thông điệp rằng người LGBT là những thành viên bình đẳng, đầy đủ của xã hội.
- Xây dựng sổ tay hướng dẫn xây dựng chính sách hỗ trợ và bầu không khí thân thiện đối với người LGBT cho các doanh nghiệp.

Tóm tắt Báo cáo

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KINH TẾ CỦA HÔN NHÂN CÙNG GIỚI TẠI VIỆT NAM

A. Giải thích từ ngữ

- **Người "LGBT"** là từ viết tắt tiếng Anh của **"Lesbian – Gay – Bisexual – Transgender"** dịch là **"người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới"**. Với người đồng tính nữ là người có giới tính là nữ nhưng có hấp dẫn tình dục đối với người nữ khác. Tương tự đối với người đồng tính nam. Người song tính là người có hấp dẫn tính dục đối với cả nam và nữ và người chuyển giới là người có giới tính khi sinh khác với giới tính thật sự của họ, bao gồm người chuyển giới từ nam sang nữ và từ nữ sang nam.
- Sự **"dung hợp"** xã hội đối với người LGBT là mức độ mà xã hội nhìn nhận người LGBT như những thành viên tự nhiên, bình đẳng và đầy đủ. Một xã hội nhất định có thể dung hợp hoặc không dung hợp người LGBT. Các xã hội khác nhau có thể có mức độ dung hợp khác nhau đối với người LGBT.
- **"Chế định hôn nhân"** là tập hợp các quy định pháp luật có liên quan đến mối quan hệ về hôn nhân trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- **"Thiết chế hôn nhân"** là tổng thể các mối quan hệ, phong tục, tập quán, thực hành có liên quan đến hôn nhân trong xã hội Việt Nam.
- **"Việc công nhận hôn nhân cùng giới"** là việc những người có giới tính giống nhau được ghi nhận trong các văn bản có giá trị như khai sinh, chứng minh nhân dân, hộ khẩu, căng cước công dân,… được tham gia vào mối quan hệ hôn nhân và được hưởng các quyền và nghĩa vụ được quy định trong chế định hôn nhân.

B. Vì sao vấn đề về quyền của người LGBT lại quan trọng?

- Cho đến năm 2020, theo khảo sát của IPSOS (2021), trung bình toàn cầu có 9% số người được hỏi tự nhận là người LGBT, 11% không biết hoặc không nói và 80% tự xác định là người dị tính-hợp giới.
- Cũng trên phạm vi toàn cầu, có 5% người được hỏi cho rằng họ chỉ cảm thấy hấp dẫn tính dục với người cùng giới; 2% chủ yếu đối với người cùng giới; 4% đối với cả người cùng và khác giới, 83% chỉ đối với người khác giới và 6% không biết hoặc không nói.
- Về mặt lịch sử, nhân học và nhân khẩu học, tư duy nhị biên về giới là một thực tế cần xem lại, nếu không muốn nói là cần loại bỏ hoàn toàn để nhận thức một thế giới chính xác hơn về con người.
- Sự trao quyền đầy đủ cho người LGBT là một vấn đề của thời đại, đem lại sự tiến bộ cho toàn xã hội.

C. Câu hỏi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu:

Tác động kinh tế của việc thừa nhận và hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới tại Việt Nam.

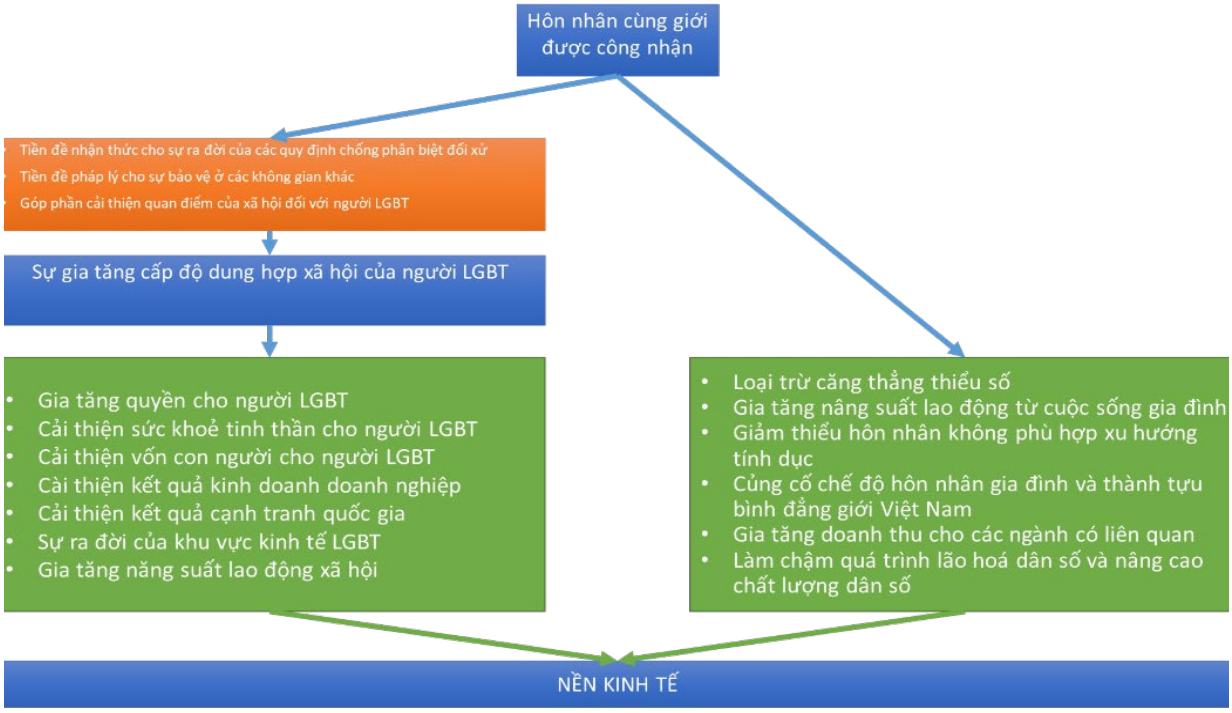
Phương pháp nghiên cứu:

- Tổng quan tài liệu thế giới và Việt Nam;
- Xây dựng khuôn khổ lý thuyết;
- Áp dụng mô hình lý thuyết vào trường hợp của Việt Nam;
- Xây dựng mô hình ước lượng dựa trên khuôn khổ lý thuyết

D. Khuôn khổ lý thuyết

Đối với cơ chế trực tiếp, hôn nhân cùng giới được nhìn nhận như một chế định pháp luật riêng lẻ. Đối

với cơ chế giáng tiếp, hôn nhân cùng giới được nhìn nhận như một phần trong tổng thể các quy định pháp luật, chính sách, tập quán và vận động xã hội nhằm hướng đến một xã hội dung hợp hơn đối với người LGBT. Khuôn khổ lý thuyết về tác động của hôn nhân cùng giới có thể được tóm lược lại như sau:



Hình 1: Tổng quan khuôn khổ lý thuyết về tác động của hôn nhân cùng giới

E. Trường hợp Việt Nam

i. Số lượng người LGBT tại Việt Nam

Chưa có một thống kê đầy đủ, vì chưa hình thành đối tượng về mặt nhận thức luận và do đó là phương pháp luận. Tham khảo khảo sát của IPSOS (2021), cho đến năm 2020, trung bình toàn cầu có 9% số người được hỏi tự nhận là người LGBT, 11% không biết hoặc không nói và 80% tự xác định là người dị tính-hợp giới. Cũng trên phạm vi toàn cầu, có 5% người được hỏi cho rằng họ chỉ cảm thấy hấp dẫn tính dục với người cùng giới; 2% chủ yếu đối với người cùng giới; 4% đối với cả người cùng và khác giới, 83% chỉ đối với người khác giới và 6% không biết hoặc không nói.

Áp dụng tỉ lệ này để ước lượng số người LGBT tại Việt Nam, ta có thể tạm giả định khả năng trong miền xác định: [9%-11%] Trong trường hợp Việt Nam, nhóm nghiên cứu có những nhận định khái quát như sau về tác động của hôn nhân đồng giới đối với nền kinh tế:

ii. Tác động của việc công nhận hôn nhân cùng giới tại Việt Nam

Tác động trực tiếp:

- Việc được pháp luật thừa nhận, hoặc ít nhất được thiết chế xã hội đồng thuận, giúp tăng quyền cho người LGBT Việt Nam;
- Sự tham gia vào thiết chế gia đình giúp giảm căng thẳng thiểu số;
- Việc tham gia vào thiết chế gia đình giúp gia tăng động lực lao động;
- Tăng quyết định tổ chức tiệc cưới hoặc tổ chức với quy mô lớn hơn;
- Loại trừ tình trạng hôn nhân không phù hợp xu hướng tính dục;
- Góp phần giải quyết các vấn đề dân số;
- Củng cố chế độ hôn nhân gia đình và thành tựu bình đẳng giới.

Tác động gián tiếp:

- Cộng đồng dung hợp giảm căng thẳng thiểu số;
- Cải thiện vốn con người của người của người LGBT;
- Sự ra đời của khu vực kinh tế liên quan tới người LGBT khi hôn nhân cùng giới được công nhận;
- Cải thiện chất lượng hoạt động của doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh, sản xuất;
- Cải thiện kết quả cạnh tranh quốc gia, môi trường kinh doanh.

Tổng thể các tác động trên mang lại sự gia tăng trong năng suất lao động của người LGBT nói riêng và toàn xã hội nói chung nhờ hiệu ứng lan toả.

F. Mô phỏng ước lượng tác động của việc công nhận hôn nhân cùng giới

iii. Dự báo tác động đến chi phí do rối loạn tâm lý

Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp được đề ra bởi Badgett (2014) dựa trên dữ liệu của Tổ chức Y tế Thế Giới (2017) cùng để đo lường thiệt hại của rối loạn tâm lý từ vị thế thiểu số của người LGBT. Theo phương pháp này, thiệt hại của một rối loạn tâm lý nhất định được quy đổi ra số năm suy giảm tuổi thọ do sống chung với rối loạn tâm lý mỗi năm. Số năm này được nhân với tỉ lệ số năm bị mất do rối loạn tâm lý từ vị thế thiểu số của người LGBT so với tổng số năm bị mất trên tổng dân số. Tỉ lệ số năm bị mất từ rối loạn tâm lý từ vị thế thiểu số của người LGBT trên tổng số năm bị mất của toàn dân số được xác định dựa trên tỉ lệ người LGBT (IPSOS, 2021), chênh lệch trong rối loạn tâm lý của người LGBT và tổng dân số (được tính từ Kinh và cộng sự (2008)). Số năm có được sau đó được nhân với tỉ lệ rối loạn tâm lý còn lại sau khi đã giảm nhờ dung hợp xã hội (tính từ công trình của Wight và c.s. (2013)) và GDP mỗi năm để tìm ra tổn thất mỗi năm từ rối loạn tâm lý từ vị thế thiểu số của người LGBT.

Mô hình này cho thấy việc công nhận hôn nhân cùng giới có thể tiết kiệm cho Việt Nam mỗi năm từ 13 triệu USD đến 71 triệu USD tổn thất từ rối loạn trầm cảm và rối loạn căng thẳng từ vị thế thiểu số. Mô hình này có thể được áp dụng cho các rối loạn tâm lý khác có tiềm năng được gây ra từ vị thế thiểu số của nhóm người LGBT.

iv. Dự báo gia tăng trong GDP

Tác động của việc công nhận hôn nhân cùng giới đối với GDP được xác định thông qua gia tăng trong năm suất lao động của người LGBT. Năng suất lao động này được xác định thông qua GDP bình quân đầu người. Nhóm nghiên cứu giả định rằng khi được dung hợp hoàn toàn, người LGBT sẽ có thu nhập bình quân đầu người tương tự với người không phải là người LGBT. Số liệu về sự gia tăng trong năng suất lao động được tính từ công trình của Brenner và c.s. (2010).

Theo mô hình này, việc công nhận hôn nhân cùng giới sẽ kéo theo từ **1,65% đến 4,36%** sự gia tăng trong GDP mỗi năm so với trường hợp không công nhận. Trong ngắn và trung hạn, tỉ lệ gia tăng này có thể được dàn trải trong khoản 10 năm, vì người LGBT cần có thời gian để hồi phục những chấn thương tâm lý, xã hội Việt Nam cũng cần có thời gian để đưa ra thay đổi phù hợp. Vậy, tỉ lệ gia tăng bình quân GDP được mang lại bởi việc công nhận hôn nhân cùng giới trong ngắn hạn là từ **0,17% đến 0,44%** một năm và tích luỹ qua thời gian để đạt được tỉ lệ trên.

Về mặt lý thuyết, tác động từ việc công nhận hôn nhân đồng giới còn có hiệu ứng lan toả đối với nhóm người dị tính-hợp giới và toàn xã hội nói chung. Nên trên thực tế tác động đối với GDP có thể cao hơn con số mà nhóm nghiên cứu đã ước lượng.

v. Dự báo trong gia tăng doanh thu của một số ngành công nghiệp

Trong phần này, nhóm nghiên cứu thiết lập mô hình ước lượng tỉ lệ gia tăng trong doanh thu các ngành chịu tác động của việc công nhận hôn nhân đồng giới. Đặc điểm của các ngành chịu tác động trong phần này đó là việc công nhận hôn nhân đồng giới có tác động đáng kể đối với việc tiêu dùng hàng hoá trong nhóm ngành này của người LGBT. Điều này là bởi yếu tố quyết định việc người LGBT có tiêu dùng hàng hoá của các ngành này hay không phụ thuộc vào việc họ có được những quyền pháp lý nhất định hay không.

Một số ngành có thể được kể đến ở đây đó là các ngành có liên quan đến tổ chức tiệc cưới và xây dựng gia đình như nội thất, bất động sản, đồ dùng trẻ em, giáo dục mầm non,… Nhóm nghiên cứu giả định rằng khi hôn nhân đồng iới được công nhận, người LGBT sẽ sử dụng sản phẩm của các ngành này với mức độ tương đương như người không-LGBT. Mô hình có được phụ thuộc vào tỉ lệ khách hàng tiềm năng là người LGBT, được tính theo số liệu của IPSOS về người có xu hướng tính dục đồng tính và tỉ lệ người LGBT.

Kết quả tính toán cho thấy việc công nhận hôn nhân đồng giới có thể mang lại cho các ngành công nghiệp có liên quan đến dịch vụ tiệc cưới và xây dựng gia đình từ 5,26% đến 12,36% gia tăng trọng doanh thu.

G. Đề xuất chính sách

- Triển khai chương trình thay đổi nhận thức ở cấp toàn quốc về sự thừa nhận người LGBT trong sự đa dạng của tồn tại con người và xã hội, là đối tượng đầy đủ của luật pháp và thiết chế xã hội.
- Điều chỉnh luật pháp để công nhận hôn nhân cùng giới với đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật như hôn nhân khác giới. Phấn đấu để Việt Nam là quốc gia đầu tiên tại Đông Nam Á và thứ hai tại Châu Á công nhận hôn nhân cùng giới.
- Hoàn thiện hoá quy định pháp luật về việc sử dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ, cho phép hình thức mang thai hộ có hiến tặng trứng hoặc tinh trùng và hiến tặng trứng hoặc tinh trùng nhưng không có mang thai hộ.
- Ban hành luật chống phân biệt đối xử trên cơ sở bản dạng giới và xu hướng tính dục trong gia đình, nhà trường, nơi làm việc.
- Giới thiệu nội dung giáo dục về người LGBT vào chương trình học phổ thông dưới hình thức chính khoá hoặc ngoại khoá.
- Tuyên truyền, giáo dục hướng đến toàn bộ xã hội, nhấn mạnh thông điệp rằng người LGBT là những thành viên bình đẳng, đầy đủ của xã hội.
- Xây dựng sổ tay hướng dẫn xây dựng chính sách hỗ trợ và bầu không khí thân thiện đối với người LGBT cho các doanh nghiệp.

H. Kết luận

Trên tổng thể, tác động của việc công nhận hôn nhân cùng giới tại Việt Nam là **đáng kể, đa dạng và có tính bao trùm.**

Tác động của việc công nhận hôn nhân đồng giới là đáng kể: Theo ước tính của báo cáo, việc hợp thức hoá hôn nhân cùng giới có thể mang lại cho Việt Nam từ **1,65% đến 4,36%** gia tăng trong GDP mỗi năm so với trường hợp không công nhận. Tỉ lệ gia tăng bình quân GDP trong ngắn và trung hạn là từ **0,17% đến 0,44%** một năm. Gia tăng trong doanh thu cho các ngành công nghiệp có liên quan đến tổ chức tiệc cưới và xây dựng gia đình là từ **5,26% đến 4,36%** so với trường hợp không công nhận. Tiết kiệm cho Việt Nam từ **13 triệu USD đến 71 triệu USD** chi phí phát sinh từ những thiệt hại đến từ các rối loạn tâm lý (rối loạn trầm cảm và rối loạn lo âu) do vị thế thiểu số của người LGBT.

Tác động của việc công nhận hôn nhân cùng giới là đa dạng: Như đã phân tích, việc công nhận hôn nhân cùng giới tại Việt Nam mang lại lợi ích đa dạng, trên nhiều phạm vi khác nhau từ cá nhân, đền doanh nghiệp, ngành và quốc gia và với nhiều cơ chế khác nhau.

Tác động của hôn nhân cùng giới là có tính bao trùm: Những lợi ích mang lại từ việc công nhận hôn nhân cùng giới không chỉ được cảm nhận và thụ hưởng bởi người LGBT mà còn bởi người dị tính-hợp giới và tổng thể xã hội nói chung.

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

Đánh giá tác động kinh tế của hôn nhân cùng giới tại Việt Nam

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam – VESS

Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường – iSEE

Hà Nội, 22/12/2021

Nội dung chính

1. Tổng quan nghiên cứu
2. Khuôn khổ lý thuyết
3. Trường hợp Việt Nam
4. Dự báo tác động
5. Kết luận và đề xuất

(Các mục nhỏ hơn được đánh số như trong báo cáo)

Nền tảng triết học của vấn đề

Nền tảng bản thể luận (ontological foundation):

- Việc nhìn nhận lại con người như một natutal being and social being.
- Trong đó, social being mang tính kiến tạo lịch sử (ví dụ: truyền thống nhị nguyên về giới) à c§n mÙt cách nhìn ki¿n tị o khác, trong ó xu h°Ûng tính dục là một phổ (dải) liên tục.)

Nhận thức luận (epistemological foundation)

- Trên cơ sở bản thể luận mới về con người với tư cách một social being được kiến tạo như vậy, thì cần thay đổi cách loài người nhận thức về chính họ.

Phương pháp luận (methodological foundation)

- Sự thay đổi trong phương pháp nhận thức và đối tượng nhận thức, dẫn tới đòi hỏi về sự tìm kiếm phương pháp nhận thức và tiếp cận đối tượng theo cách phù hợp.
- Cụ thể, triết lý nền tảng trong nghiên cứu này không phải là việc nhìn nhận từ lợi ích của một nhóm khác, hay "xã hội", mà là nhìn nhận vấn đề như sự tồn tại được nhận thức.

1. Tổng quan nghiên cứu

1.1 Giải thích từ ngữ

- Người LGBT: người đồng tính nam, đồng tính nữ, song tính và chuyển giới;
- Việc công nhận hôn nhân cùng giới: công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa những người được ghi nhận trên các giấy tờ có giá trị là cùng giới tính;
- Sự dung hợp xã hội của người LGBT: mức độ mà xã hội nhìn nhận người LGBT là những thành viên bình đẳng và đầy đủ của xã hội;
- Thể chế gia đình: tổng thể các quy định pháp luật có liên quan đến gia đình;
- Thiết chế gia đình: tổng thể các quan hệ xã hội ảnh hưởng đến gia đình.

1.2 Câu hỏi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu: Tác động kinh tế của việc thừa nhận và hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới tại Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu:

- Tổng quan tài liệu thế giới và Việt Nam;
- Xây dựng khuôn khổ lý thuyết;

- Áp dụng mô hình lý thuyết vào trường hợp của Việt Nam;
- Xây dựng mô hình ước lượng dựa trên khuôn khổ lý thuyết.

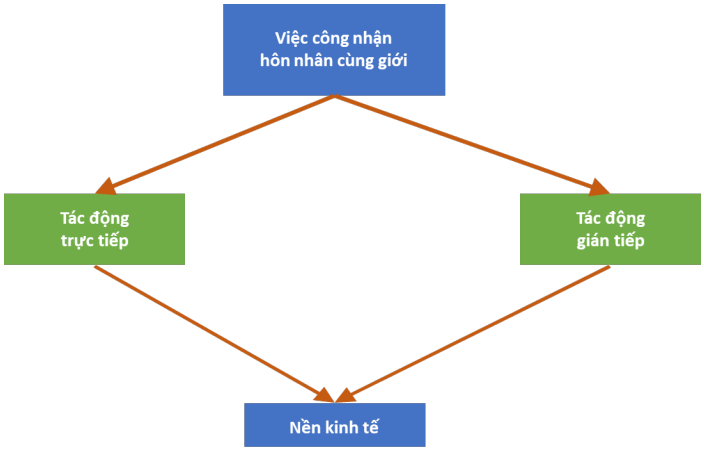
1.3 Vì sao vấn đề LGBT lại quan trọng?

- Cho đến năm 2020, theo khảo sát của IPSOS (2021), trung bình toàn cầu có 9% số người được hỏi tự nhận là người LGBT, 11% không biết hoặc không nói và 80% tự xác định là người dị tính-hợp giới.
- Cũng trên phạm vi toàn cầu, có 5% người được hỏi cho rằng họ chỉ cảm thấy hấp dẫn tính dục với người cùng giới; 2% chủ yếu đối với người cùng giới; 4% đối với cả người cùng và khác giới; 83% chỉ đối với người khác giới và 6% không biết hoặc không nói.
- Về mặt lịch sử, nhân học và nhân khẩu học, tư duy nhị biên về giới là một thực tế cần xem lại, nếu không muốn nói là cần loại bỏ hoàn toàn để nhận thức một thế giới chính xác hơn về con người.
- Sự trao quyền đầy đủ cho người LGBT là một vấn đề của thời đại, đem lại sự tiến bộ cho toàn xã hội.

1.4 Phát hiện về những tác động chính

- Giảm căng thẳng từ vị thế thiểu số cho người LGBT;
- Giảm tình trạng hôn nhân không phù hợp xu hướng tính dục;
- Củng cố chế độ hôn nhân gia đình Việt Nam
- Cải thiện kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;
- Tăng năng suất lao động cho người LGBT;
- Tăng doanh thu cho các ngành công nghiệp đã có;
- Là cơ sở cho sự ra đời của "khu vực kinh tế LGBT";
- Cải thiện kết quả cạnh tranh quốc gia;
- Cải thiện năng suất lao động và môi trường làm việc của toàn xã hội.

2. Khuôn khổ lý thuyết



Tác động trực tiếp: Việc công nhận hôn nhân cùng giới được nhìn nhận như một chế định pháp luật riêng lẻ;

Tác động gián tiếp: Việc công nhận hôn nhân cùng giới sự phát triển thiết chế xã hội, bao gồm tổng thể các quy định pháp luật, tập quán kinh doanh, xã hội,… nhằm hướng đến một xã hội dung hợp hơn đối với người LGBT.

Tác động trực tiếp:

- Giảm căng thẳng thiểu số;
- Giảm thiểu tình trạng hôn nhân không phù hợp xu hướng tính dục;

- Củng cố chế độ hôn nhân gia đình;
- Gia tăng doanh thu cho các ngành có liên quan;
- Gia tăng năng suất lao động từ cuộc sống gia đình;
- Góp phần giải quyết vấn đề về dân số một cách tích cực.

Giảm căng thẳng thiểu số

Quá tình gây căng thẳng thiểu số:

- Sự kiện phát sinh từ định kiến: bị phân biệt đối xử, bạo lực,...;
- Sự kỳ thị: Dự đoán về việc bị chối bỏ và phân biệt đối xử;
- Che giấu và công khai: người LGBT nỗ lực che giấu xu hướng tính dục;
- Tự kỳ thị: người LGBT chuyển thái độ tiêu cực của xã hội về phía chính mình (Meyer, 2003).

Wight và c.s., (2013) cho thấy việc tham gia vào hôn nhân cùng giới có thể loại trừ được căng thẳng thiểu số của người LGBT

Gia tăng năng suất lao động thông qua thiết chế gia đình

Dựa trên khung lý thuyết về Kinh tế học hộ gia đình by Gary Becker (1981, 1991)'s Treatise on the Family, coi gia đình như một tổ chức giúp tăng phúc lợi các thành viên nhờ phân công lao động, giảm chi phí giao dịch, v.v...

Việc tham gia vào thiết chế gia đình là quyền của người LGBT, đồng thời mang lại sự gia tăng trong năng suất lao động cho người LGBT. Do:

- Hưởng lợi từ sự phân công lao động trong gia đình;
- Có thể kết hợp tài sản với bạn đời (cùng giới hoặc phù hợp xu hướng tính dục);
- Cuộc sống gia đình có bản chất giảm căng thẳng;
- Thực hiện tái sản xuất sức lao động hiệu quả.

Các tác động trực tiếp khác:

- Giảm thiểu hôn nhân không phù hợp xu hướng tính dục và chi phí kinh tế-xã hội (chưa đo đếm được) do nó mang lại;
- Hỗ trợ gia tăng tỉ lệ sinh tự nhiên thông qua các kỹ thuật sinh sản nhân tạo hoặc các thỏa thuận mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;
- Giúp gia tăng chất lượng dân số thông qua việc nhận nuôi và chăm sóc;
- Gia tăng trong doanh thu cho các ngành có liên quan như các ngành liên quan đến dịch vụ cưới hỏi, xây dựng gia đình, hang tiêu dùng liên quan;
- Củng cố chế độ hôn nhân như sự kết hợp dân sự giữa hai cá nhân bình đẳng.

Tác động gián tiếp:

- Giảm căng thẳng thiểu số cho người LGBT;
- Cải thiện vốn con người, vốn xã hội cho người LGBT;
- Gia tăng hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp;
- Sự ra đời của "khu vực kinh tế LGBT";
- Gia tăng hình ảnh và sức cạnh tranh quốc gia;
- Tương quan giữa GDP và sự dung hợp xã hội của người LGBT.

Khuôn khổ lý thuyết

Việc công nhận hôn nhân cùng giới tác động gián tiếp đến nền kinh tế thông qua sự tác động đến cấp độ dung hợp xã hội.

Ba cấp độ dung hợp chính:

- Thấp: người LGBT bị chủ động phân biệt đối xử;
- Trung bình: người LGBT bị phớt lờ, không được hưởng quyền bình đẳng nhưng cũng không bị bức hại;
- Cao: người LGBT được nhìn nhận là thành viên bình đẳng và đầy đủ của xã hội đồng thời nhận được những bảo vệ liên quan đến vị thế thiểu số.

Sự công nhận nhôn nhân cùng giới sẽ dẫn đến sự gia tăng cấp độ dung hợp trong các không gian khác: Tiền đề nhận thức , pháp lý và văn hoá cho sự dung hợp ở các không gian khác.

Giảm căng thẳng thiểu số

Cải thiện vốn con người

Khung tư duy tương tự với các nhóm thiểu số hoặc yếu thế khác như phụ nữ, người da màu, người thiểu số, v.v...:

- Được làm việc trong môi trường tối ưu;
- Được phát huy đầy đủ tài năng và năng lực;
- Không bị từ chối nuôi dưỡng bởi bố mẹ;
- Giảm căng thẳng thiểu số.

Các tác động gián tiếp khác

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: Giảm sự kiện phân biệt đối xử; gia tăng sự công khai tại nơi làm việc; gia tăng sự cam kết đối với công việc; cải thiện sức khoẻ; cải thiện mối quan hệ tại nơi làm việc; cải thiện năng suất lao động (Badgett và c.s., 2013).

Sự ra đời của khu vực/nền kinh tế LGBT:

• Các doanh nghiệp hướng tiếp thị đến đối tượng khách hàng là người LGBT;

• Sản phẩm được thiết kế riêng biệt cho cộng đồng LGBT;

• Sản phẩm riêng biệt chủ yếu tập trung trong lĩnh vực tinh thần, văn hoá, giải trí, du lịch, v.v...

Kết quả cạnh tranh quốc gia: lượng khách du lịch, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, luồng người nhập cư;

Cơ chế tác động:

- Dấu hiệu của hiện đại tính (Florida, 2003; Florida & Gates, 2002);
- Sự bảo vệ về mặt pháp luật sơ với các khu vực khác.

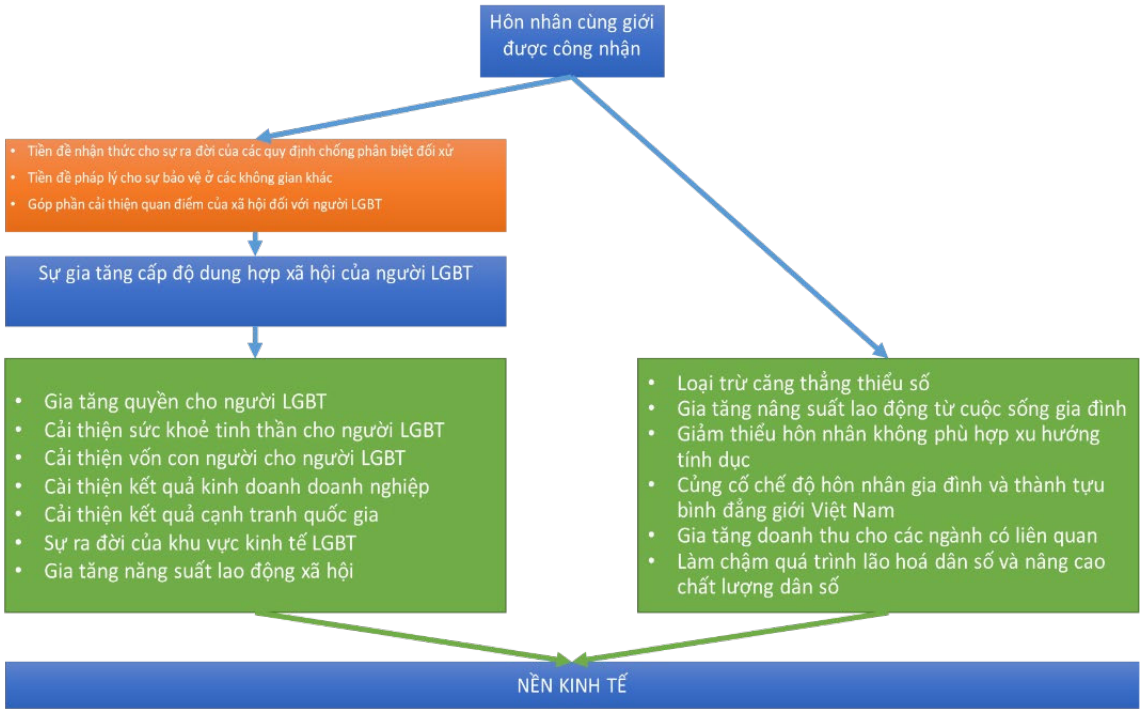
Tác động đến nền kinh tế vĩ mô

Các hướng lý giải cho sự tương quan giữa các yếu tố kinh tế vĩ mô và cấp độ dung hợp xã hội:



(Badgett và c.s., 2019, tr 4)

Tổng quan khuôn khổ lý thuyết



3. Trường hợp Việt Nam

Số lượng người LGBT tại Việt Nam

Chưa có một thống kê đầy đủ, vì chưa hình thành đối tượng về mặt nhận thức luận và do đó là phương pháp luận.

Tham khảo khảo sát của IPSOS (2021), cho đến năm 2020, trung bình toàn cầu có 9% số người được hỏi tự nhận là người LGBT, 11% không biết hoặc không nói và 80% tự xác định là người dị tính-hợp giới.

Cũng trên phạm vi toàn cầu, có 5% người được hỏi cho rằng họ chỉ cảm thấy hấp dẫn tính dục với người cùng giới; 2% chủ yếu đối với người cùng giới; 4% đối với cả người cùng và khác giới; 83% chỉ đối với người khác giới và 6% không biết hoặc không nói.

Áp dụng tỉ lệ này để ước lượng số người LGBT tại Việt Nam, ta có thể tạm giả định khả năng trong miền xác định: [9%-11%]

Vấn đề về quyền kết hôn cùng giới của người LGBT tại Việt Nam

- Người đồng tính chỉ có thể chung sống với bạn đời cùng giới;
- Người song tính bị giới hạn lựa chọn chung sống với bạn đời cùng giới;
- Người chuyển giới có thể có mong muốn tiếp tục hôn nhân sau khi chuyển giới hoặc kết hôn trước khi chuyển giới;
- Các mối quan hệ gia đình của người LGBT đã phát sinh trên thực tế nhưng không được bảo vệ.

Tác động trực tiếp

- Việc được pháp luật thừa nhận, hoặc ít nhất được thiết chế xã hội đồng thuận, giúp tăng quyền cho người LGBT Việt Nam;
- Sự tham gia vào thiết chế gia đình giúp giảm căng thẳng thiểu số;
- Việc tham gia vào thiết chế gia đình giúp gia tăng động lực lao động;
- Tăng quyết định tổ chức tiệc cưới hoặc tổ chức với quy mô lớn hơn;

- Loại trừ tình trạng hôn nhân không phù hợp xu hướng tính dục;
- Góp phần giải quyết các vấn đề dân số;
- Củng cố chế độ hôn nhân gia đình và thành tựu bình đẳng giới.

Sự tham gia vào thiết chế gia đình giúp giảm căng thẳng thiểu số

- Sự gia tăng năng suất lao động từ cuộc sống gia đình -> có nhiều phương tiện giảm căng thẳng hơn;
- Cuộc sống gia đình có tác dụng làm giảm căng thẳng;
- Hưởng được những ưu ái của xã hội đối với người có gia đình;
- Mở rộng mạng lưới hỗ trợ về vật chất và tinh thần.

Giảm tình trạng hôn nhân không phù hợp xu hướng tính dục

- Áp lực gia đình và có con khiến người có xu hướng tính dục đồng giới lựa chọn kết hôn với người khác giới;
- Việc công nhận hôn nhân đồng giới khiến người có xu hướng tính dục đồng giới có khả năng kết hôn và xây dựng gia đình.

Gia tăng năng suất lao động từ cuộc sống gia đình

- Người có xu hướng tính dục đồng giới lập gia đình có thể hưởng được những cơ chế hỗ trợ từ gia đình như sự phân công lao động, kết hợp đầu tư tài sản;
- Cuộc sống gia đình giúp giảm căng thẳng thiểu số;
- Xây dựng gia đình là động lực lao động (và chiến đấu) của người Việt Nam.

Gia tăng thu nhập cho các ngành công nghiệp có liên quan

- Người kết hôn cùng giới có thể kết hôn công khai và với quy mô lớn phù hợp, điều này mang lại doanh thu cho các ngành có liên quan đến công nghiệp tiệc cưới;
- Các ngành có liên quan đến xây dựng gia đình cũng được hưởng lợi ích lan toả.

Góp phần giải quyết các vấn đề về dân số

- Góp phần làm chậm quá trình lão hoá dân số nhờ việc áp dụng các kỹ thuật sinh sản;
- Góp phần nâng cao chất lượng dân số nhờ việc nhận nuôi con nuôi

Củng cố chế độ hôn nhân gia đình và thành tựu bình đẳng giới tại Việt Nam

- Hôn nhân được khẳng định là sự kết hợp giữa hai cá nhân bình đẳng;
- Các gia đình đồng giới được công nhận và bảo vệ bởi chế định hôn nhân và gia đình;
- Mở rộng và duy trì các tập quán có liên quan đến gia đình.

Tác động gián tiếp

- Cộng đồng dung hợp giảm căng thẳng thiểu số;
- Cải thiện vốn con người;
- Sự ra đời của khu vực kinh tế liên quan tới LGBT khi hôn nhân cùng giới được công nhận;
- Cải thiện chất lượng hoạt động của doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh, sản xuất;
- Cải thiện kết quả cạnh tranh quốc gia, môi trường kinh doanh.

Cấp độ dung hợp xã hội của Việt Nam

Việt Nam có thể được nhìn nhận là nước có cấp độ dung hợp trung bình vì:

- Hành vi tình dục cùng giới không được xem là hành vi vi phạm hành chính hoặc tội phạm;
- Không có bằng chứng cho thấy có luật được diễn giải hoặc thực thi nhằm chống lại hoặc bức hại người LGBT;
- Đám cưới đồng tính không còn được xem là hành vi vi phạm pháp luật hành chính;

- Người LGBT không bị từ chối tham gia quân ngũ cũng như giữ các vị trí chính trị và hành chính khác nhau.

Tuy nhiên:

- Không có luật chống phân biệt đối xử đối với người LGBT tại nơi làm việc, trường học và cung cấp dịch vụ;
- Không có luật hôn nhân bình đẳng áp dụng cho người LGBT

Tác động của việc công nhận hôn nhân đồng giới đối với cấp độ dung hợp xã hội

Tiền đề về nhận thức: người LGBT là một nhóm đối tượng cần được quan tâm trong các luật và chính sách;

Tiền đề pháp lý: các không gian khác như doanh nghiệp, nhà trường, cộng đồng có thể bảo vệ người LGBT tốt hơn;

Nâng cao quan điểm của công chúng đối với người LGBT: pháp luật có vai trò hướng dẫn nhất định đối với quan niệm đạo đức tại Việt Nam.

Giảm căn thẳng thiểu số

Nền văn hoá Việt Nam có tính cộng đồng cao. Một cộng đồng dung hợp hơn có tác động tích cực đến sức khoẻ tinh thần của người LGBT

Cải thiện vốn con người và vốn xã hội cho người LGBT

Sự bảo vệ từ pháp luật giúp người LGBT:

- Không bị phân biệt đối xử trong môi trường làm việc, từ đó phát huy tối ưu năng suất lao động;
- Không bị phân biệt đối xử trong môi trường học đường, từ đó phát huy tối đa tài năng và năng lực;
- Không bị phân biệt đối xử trong gia đình, bị từ chối nuôi dưỡng

Cải thiện kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Doanh nghiệp có chính sách hỗ trợ giúp gút ngắn khoản cách giữa gia đình và công việc, giúp người LGBT có cam kết tốt hơn đối với công việc và có năng suất tốt hơn.

Sự ra đời của khu vực kinh tế liên quan tới người LGBT

Khu vực kinh tế LGBT là:

- Các sản phẩm kinh tế chung nhưng được tiếp thị hướng đến người LGBT;
- Các sản phẩm chuyên biệt cho người LGBT;

Nền kinh tế LGBT giúp tối ưu hoá năng lực sản xuất xã hội và phát huy thêm nhiều cơ hội thị trường và ý tưởng sáng tạo.

Cải thiện kết quả cạnh tranh quốc gia

Là quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á và thứ hai ở Châu Á hợp thức hoá hôn nhân cùng giới;

Thu hút khách du lịch cả người LGBT lẫn không phải là người LGBT;

Thu hút tốt hơn vốn đầu tư nước ngoài từ sự gia tăng trong năng suất lao động;

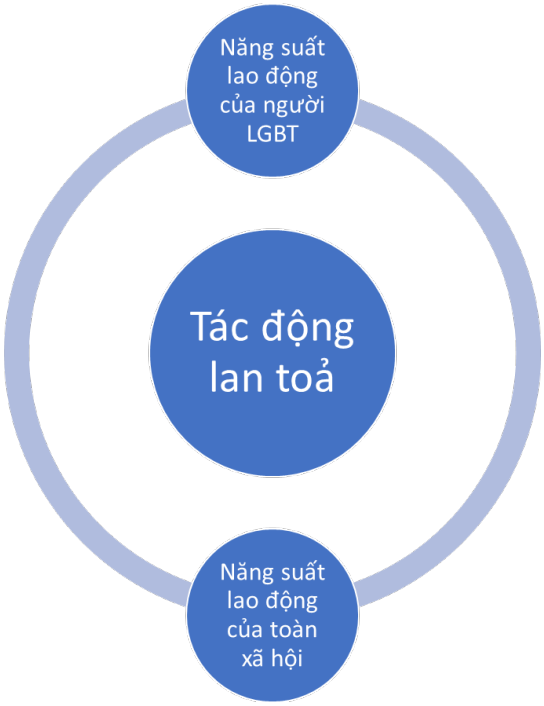
Thu hút nguồn nhập cư chất lượng cao từ khu vực Châu Á.

Tác động đến nền kinh tế vĩ mô



Vai trò của năng suất lao động

Tác động lan toả



Mô phỏng tác động kinh tế của việc hợp thức hóa hôn nhân cùng giới

Giảm chi phí trực tiếp từ những rối loạn tâm lý

Mô hình ước tính (dựa theo Badgett, 2014):

$$s\frac{x-A}{A}(1-B)DG$$

Trong đó:

s: tỉ lệ số người LGBT tại Việt Nam

A: tỉ lệ rối loạn tâm lý bình quân dân số

x: tỉ lệ rối loạn tâm lý bình quân của người LGBT (x>A)

B: tỷ lệ giảm rối loạn tâm lý của người LGBT nhờ dung hợp xã hội

D: số năm bị mất do rối loạn tâm lý trên tổng dân số

G: GDP bình quân đầu người

Kết quả các kịch bản mô phỏng:

G =	2785,7	USD/người	(2021)				
1. Rối loạn trầm cảm	D =	113.756	(năm)				
		x = 1,5A		x = 2A		x = 2,5A	
Tỉ lệ người LGBT (s)		9%	11%	9%	11%	9%	11%
B =	31,4%	9.782.434	11.956.308	19.564.867	23.912.615	29.347.301	35.868.923
B =	0%	14.260.107	17.429.020	28.520.214	34.858.040	42.780.321	52.287.060
2. Rối loạn lo âu	D =	40.435	(năm)				
		x = 1,5A		x = 2A		x = 2,5A	
Tỉ lệ người LGBT (s)		9%	11%	9%	11%	9%	11%
B =	31,4%	3.477.184	4.249.892	6.954.369	8.499.784	10.431.553	12.749.676
B =	0%	5.068.782	6.195.178	10.137.564	12.390.356	15.206.345	18.585.533
Tổng (1+2)	=	Thiệt hại do rối loạn trầm cảm + thiệt hại do rối loạn lo âu					
B =	31,4%	13.259.618	16.206.200	26.519.236	32.412.399	39.778.854	48.618.599
B =	0%	19.328.889	23.624.198	38.657.778	47.248.395	57.986.667	70.872.593

- Tỉ lệ số người LGBT trung bình (s) – IPSOS (2021)
- Tỉ lệ rối loạn tâm lý bình quân dân số (A), số năm bị mất do rối loạn tâm lý (D), tính toán theo WHO (2017)
- Tỉ lệ rối loạn tâm lý bình quân của người LGBT (x = 1,5A; 2A; 2,5A)– King và cộng sự (2008)
- GDP bình quân đầu người Việt Nam năm 2021 (G) – World Bank (2021)
- Tỉ lệ giảm rối loạn tâm lý (B; 1-3,78/5,51≈31,4%) – Wight và c.s. (2013)

Tác động của sự gia tăng trong năng suất lao động của người LGBT

Mô hình ước lượng tác động của sự gia tăng trong năng suất lao động đối với GDP (sau thời gian chuyển đổi dung hợp hoàn toàn):

$$\frac{sY}{1-sY}$$

Với:

s: tỉ lệ người LGBT trong tổng dân số

Y: chênh lệch trong năng suất lao động do sự thiếu dung hợp xã hội

Quy mô GDP tăng thêm của Việt Nam sau khi có sự dung hợp đối với người LGBT

(ví dụ thời gian dung hợp là 10 năm)

Kết quả do nhóm nghiên cứu tính toán từ dữ liệu:

		s=9%	s=11%
Y=18%		1,65%	2,02%
Y=38%		3,54%	4,36%

- Tỉ lệ số người LGBT trung bình (s) theo IPSOS (2021)
- Tỉ lệ gia tăng năng suất của người LGBT suy ra từ tỉ lệ tác động của hành vi công dân tổ chức Y = {0,18;0,38} (Brenner và c.s., 2010; Liz Cooper & Jenna Raspanti, 2013)

Tác động đối với một số ngành kinh tế có liên quan

Các ngành được xét đến là các ngành mà việc sử dụng chúng của người LGBT phụ thuộc vào việc người LGBT được hưởng các quyền nhất định như dịch vụ tiệc cưới, đồ dùng trẻ em, giáo dục trẻ em;

Mô hình này được xây dựng trên giả định rằng khi người LGBT sử dụng hàng hoá của các ngành này, họ sẽ sử dụng với mức độ tương tự như các bạn công dân dị tính-hợp giới của họ.

Mô hình dự báo tác động đối với một số ngành kinh tế đang loại trừ người LGBT:

Gia tăng trong doanh số các ngành có liên quan

$$\frac{s_1}{1 - s_1}$$

Với: s_1 : tỉ lệ khách hàng LGBT tiềm năng

Kết quả tính toán

s_1 =	5%	9%	11%
Tỉ lệ gia tăng	5,26%	9,89%	12,36%

Kết quả do nhóm nghiên cứu tính toàn từ dữ liệu:

- s_1: kết hợp tỉ lệ người có hấp dẫn tính dục đồng giới và tỉ lệ người LGBT – IPSOS (2021)

Kết luận và đề xuất chính sách

Một số kết luận về tác động của hôn nhân cùng giới

- Đáng kể: có tác động đáng kể đối với nền kinh tế;
- Đa dạng: diễn ra trên nhiều phạm vi, chiều kích và cơ chế khác nhau;
- Có tính bao trùm: tác động ảnh hưởng đến cả người LGBT lẫn không phải người LGBT (loại bỏ tư duy nhị biên về giới).

Đề xuất chính sách

- Thừa nhận người LGBT như một thực thể xã hội, do đó là một đối tượng đầy đủ trước pháp luật (hoặc ít nhất là không loại trừ họ khỏi đối tượng điều chỉnh của pháp luật – ví dụ về Luật dân sự, luật hôn nhân gia đình…)
- Công nhận hôn nhân cùng giới là bình đẳng với hôn nhân dị giới với đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật pháp hiện hành;
- Ban hành các quy định pháp luật loại bỏ phân biệt đối xử (vô tình hoặc cố ý) với người LGBT trong các không gian như các thiết chế giáo dục, y tế-sức khỏe, doanh nghiệp, tôn giáo,…;
- Hoàn thiện hoá các quy định pháp luật về việc sử dụng các kỹ thuật sinh sản, thỏa thuận mang thai hộ vì mục đích nhân đạo,… để người LGBT có thể xây dựng gia đình một cách dễ dàng nhưng vẫn đảm bảo được quyền của các bên có liên quan.

Xin chân thành cảm ơn!

-

Thông tin liên hệ:

Bộ phận Nghiên cứu, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)

Email: info@vess.org.vn

Tầng 7, Tòa nhà Kim khí Thăng Long, Số 1 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Di động: (+84) 97 560 8677

Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE)

Tầng 3, HB Building, số 1C11 Ngõ 140 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Email: isee@isee.org.vn

Hotline: (+84) 46273 7933

